

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung, điều chỉnh mức thu học phí đào tạo lái xe mô tô, ô tô các hạng tại Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ Giao thông vận tải Bình Định**

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ GTVT BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ, số: 36/2024/QH15, ngày 27/06/2024;

Căn cứ Luật Đường bộ, số 35/2024/QH15, ngày 27/06/2024;

Căn cứ Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/05/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ;

Căn cứ quyết định số 4319/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc phân loại đơn vị theo mức độ tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ cho các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính Phủ, Quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Căn cứ Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính Phủ, Quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Căn cứ Thông tư số 35/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; Đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ;

Theo sự điều chỉnh các chủ trương, chính sách mới của Chính phủ; sự thay đổi về nội dung, chương trình đào tạo; việc đầu tư nâng cấp trang thiết bị phục vụ đào tạo nghề lái xe; sự biến động của giá cả thị trường, theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Đào tạo,



## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Phê duyệt bổ sung, điều chỉnh mức thu học phí đào tạo lái xe mô tô, ô tô các hạng tại Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ Giao thông vận tải Bình Định.

Cụ thể, thời gian, mức thu học phí đào tạo lái xe mô tô, ô tô các hạng được điều chỉnh như sau:

### 1/ Học phí đào tạo mới lái xe ô tô hạng B

| TT | Hạng GPLX                       | Đơn vị tính   | Mức học phí (đồng)       |                          |
|----|---------------------------------|---------------|--------------------------|--------------------------|
|    |                                 |               | Học trong giờ hành chính | Học ngoài giờ hành chính |
| 1  | Lái xe ô tô hạng B (Số tự động) | đồng/học viên | 13.200.000               | 14.340.000               |
| 2  | Lái xe ô tô hạng B (Số sàn)     | đồng/học viên | 14.100.000               | 15.430.000               |

(Kèm theo Bảng thuyết minh – Biểu số 01, 02)

### 2/ Học phí đào tạo mới và nâng hạng giấy phép lái xe ô tô hạng C1

| TT | Hạng GPLX                    | Đơn vị tính   | Mức học phí (đồng) |
|----|------------------------------|---------------|--------------------|
| 1  | Lái xe ô tô hạng C1          | đồng/học viên | 17.200.000         |
| 2  | Nâng hạng lái xe từ B lên C1 | đồng/học viên | 2.500.000          |

(Kèm theo Bảng thuyết minh – Biểu số 03)

### 3/ Học phí đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe lái xe ô tô lên hạng C, CE

| TT | Hạng GPLX                           | Đơn vị tính   | Mức học phí (đồng) |
|----|-------------------------------------|---------------|--------------------|
| 1  | Nâng hạng lái xe ô tô hạng B lên C  | đồng/học viên | 4.950.000          |
| 2  | Nâng hạng lái xe ô tô hạng C1 lên C | đồng/học viên | 2.400.000          |
| 3  | Nâng hạng lái xe ô tô hạng C lên CE | đồng/học viên | 10.600.000         |

(Kèm theo Bảng thuyết minh – Biểu số 04)

### 4/ Học phí đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe lái xe ô tô lên hạng D1

| TT | Hạng GPLX                            | Đơn vị tính   | Mức học phí (đồng) |
|----|--------------------------------------|---------------|--------------------|
| 1  | Nâng hạng lái xe ô tô hạng B lên D1  | đồng/học viên | 9.100.000          |
| 2  | Nâng hạng lái xe ô tô hạng C1 lên D1 | đồng/học viên | 4.500.000          |
| 3  | Nâng hạng lái xe ô tô hạng C lên D1  | đồng/học viên | 2.970.000          |

(Kèm theo Bảng thuyết minh – Biểu số 05)

AN  
UNG  
ĐÀO TẠO  
HIỆP  
ĐI TH  
ĐI TÁ

FC

#### 5/ Học phí đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe lái xe ô tô lên hạng D2

| TT | Hạng GPLX                            | Đơn vị tính   | Mức học phí (đồng) |
|----|--------------------------------------|---------------|--------------------|
| 1  | Nâng hạng lái xe ô tô hạng B lên D2  | đồng/học viên | 9.660.000          |
| 2  | Nâng hạng lái xe ô tô hạng C1 lên D2 | đồng/học viên | 6.320.000          |
| 3  | Nâng hạng lái xe ô tô hạng C lên D2  | đồng/học viên | 5.600.000          |
| 4  | Nâng hạng lái xe ô tô hạng D1 lên D2 | đồng/học viên | 3.800.000          |

(Kèm theo Bảng thuyết minh – Biểu số 06)

#### 6/ Học phí đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe lái xe ô tô lên hạng D

| TT | Hạng GPLX                           | Đơn vị tính   | Mức học phí (đồng) |
|----|-------------------------------------|---------------|--------------------|
| 1  | Nâng hạng lái xe ô tô hạng C lên D  | đồng/học viên | 10.500.000         |
| 2  | Nâng hạng lái xe ô tô hạng D1 lên D | đồng/học viên | 9.500.000          |
| 3  | Nâng hạng lái xe ô tô hạng D2 lên D | đồng/học viên | 6.000.000          |

(Kèm theo Bảng thuyết minh – Biểu số 07)

#### 7/ Học phí đào tạo giấy phép lái xe lái xe mô tô lên hạng A1, A

| TT | Hạng GPLX                        | Đơn vị tính   | Mức học phí (đồng) |
|----|----------------------------------|---------------|--------------------|
| 1  | Đào tạo lái xe mô tô lên hạng A1 | đồng/học viên | 270.000            |
| 2  | Đào tạo lái xe mô tô lên hạng A  | đồng/học viên | 1.500.000          |

(Kèm theo Bảng thuyết minh – Biểu số 8)

#### 8/ Thời gian thực hiện

8.1 Mức thu học phí đào tạo lái xe ô tô các hạng được áp dụng thực hiện cho các khoá đào tạo lái xe khai giảng từ ngày 01/01/2025.

8.2 Mức thu học phí đào tạo lái xe mô tô hạng A1, A áp dụng thực hiện cho các khoá khai giảng từ ngày 01/01/2025.

**Điều 2:** Căn cứ mức thu học phí đào tạo lái xe ô tô và các quy định tại điều 1, các phòng, cơ sở có trách nhiệm:

##### 1/ Phòng Kế hoạch – Đào tạo tiến hành thực hiện các công việc sau:

- Lập lại Hợp đồng học nghề, tổ chức tuyển sinh theo mức thu học phí được điều chỉnh và đúng lưu lượng đào tạo được cấp phép;
- Xây dựng điều chỉnh Kế hoạch Kinh tế kỹ thuật hàng năm, kế hoạch kinh phí, tác nghiệp dạy thực hành lái xe từng khoá, hạng đào tạo phù hợp với quy định.
- Thông báo công khai thực hiện điều chỉnh học phí đào tạo lái xe này;

ẤN  
O  
U  
NG  
HNI

**2/ Phòng Hành chính – Tổng hợp** có trách nhiệm lập văn bản báo cáo, niêm yết công khai mức thu học phí điều chỉnh theo quy định, kiểm soát chặt chẽ mức thu, các khoản chi phí trong hoạt động, tổ chức hạch toán theo quy định, kịp thời phản ánh những phát sinh ảnh hưởng đến hoạt động tài chính của đơn vị để có biện pháp giải quyết kịp thời.

**3/ Phòng Thiết bị - Kỹ thuật** có trách nhiệm theo dõi, quản lý chặt chẽ việc thực hiện các định mức tiêu hao nhiên liệu, vật tư, phụ tùng; công tác quản lý sử dụng và thực hiện định kỳ bảo dưỡng, sửa chữa xe và thiết bị phục vụ đào tạo của các bộ phận, đảm bảo tính hợp lý, chặt chẽ, tiết kiệm.

**4/ Cơ sở đào tạo lái xe Hoài Nhơn** có trách nhiệm thực hiện: Tổ chức chiêu sinh đúng số lượng học viên theo kế hoạch và lập Hợp đồng học nghề theo mức thu học phí được điều chỉnh; thông báo công khai việc điều chỉnh và tổ chức thu học phí đào tạo lái xe đúng quy định.

**Điều 3: Hiệu lực thi hành**

Quyết định này thay thế Quyết định số 827/QĐ-TTĐT ngày 14/08/2024 của Giám đốc Trung tâm Đào tạo nghiệp vụ Giao thông vận tải Bình Định.

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các Trưởng phòng nghiệp vụ, Cơ sở đào tạo lái xe Hoài Nhơn thuộc Trung tâm chịu trách nhiệm triển khai thực hiện quyết định này kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3
- Kèm theo b/c đk
- Lưu HCTH

